

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đoàn.

2. Ông Ngô Hồng Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 83, phố 4, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Lý Xuân T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2010 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 183 (quyển 2/2011) ngày 28/12/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Anh T hay đi nhậu về chửi bới xúc phạm gia đình vợ. Chị vì thương con còn nhỏ nên cố gắng chịu đựng và nhờ gia đình khuyên nhủ nhưng anh T không thấy đổi được tính nết. Do đó, chị đã đi làm công nhân

ở Trảng Bom và sống ly thân với anh T từ tháng 12/2021. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Lý Xuân T.

Về con chung: Chị và anh T có 04 con chung tên là Lý Mạnh Q 19/11/2010; Lý Mạnh Q1, sinh ngày 19/01/2012; Lý Mạnh Q2, sinh ngày 11/5/2014 và Lý Đức T, sinh ngày 10/4/2019. Khi ly hôn, chị tự nguyện giao cả 04 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện thì chị không cấp dưỡng nuôi con tuy nhiên đến nay chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/04con chung/01 tháng từ ngày có bản án quyết định của Tòa án cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 10.000.000đ. Chị đồng ý có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng 5.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Anh T phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng 5.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

***- Theo biên bản ghi lời khai và đơn xin vắng mặt bị đơn anh Lý Xuân T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện chung sống từ năm 2010 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số ngày 28/12/2011. Trong cuộc sống vợ chồng thì có cãi nhau qua lại chứ không mâu thuẫn lớn. Việc chị H trình bày là anh hay đi nhậu rồi đánh vợ và chửi bới xúc phạm gia đình vợ là không đúng. Chị H tự ý bỏ nhà đi nơi khác sống ly thân với anh từ năm ngoái đến nay. Cho dù anh muốn nói chuyện hàn gắn vợ chồng thì cũng không được vì không thể liên lạc được với chị H. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị H vì hiện nay vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội 10.000.000đ. Khi nào trả hết số tiền nợ này thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có 04 con chung tên là Lý Mạnh Q 19/11/2010; Lý Mạnh Q1, sinh ngày 19/01/2012; Lý Mạnh Q2, sinh ngày 11/5/2014 và Lý Đức T, sinh ngày 10/4/2019. Khi ly hôn, anh đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 04 con chung. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/01 con chung; tổng cộng là 4.000.000đ/tháng/04 cho chung. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 20.000.000đ vào năm 2017 đã trả được 10.000.000đ hiện nay còn nợ 10.000.000đ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn thì anh yêu

cầu chị H có trách nhiệm thanh toán một nửa số nợ trên là 5.000.000đ và tiền lãi phát sinh; anh đồng ý thanh toán 5.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

**- Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, anh T không đồng ý ly hôn vì lý do chưa trả hết nợ là không phù hợp. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Giao 04 con chung cho anh T nuôi dưỡng, Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị H được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh T thống nhất là vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ 10.000.000đ. Chị H và anh T đều đồng ý mỗi người trả tra Ngân hàng 5.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Do Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ không khởi kiện trong vụ án này nên Tòa án không xem xét, giải quyết nợ chung. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lý Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lý Xuân T có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Lý Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về luật áp dụng: Chị Lý Thị H và anh Lý Xuân T đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2011 nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Lý Xuân T đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Chị H xin ly hôn với lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Căn cứ Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy chị H và anh T không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H với lý do: Chị H chưa trả nợ ngân hàng, lý do anh T đưa ra không phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị H, anh T thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị H xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung:

Chị H và anh T có 04 con chung tên là Lý Mạnh Q 19/11/2010; Lý Mạnh Q1, sinh ngày 19/01/2012; Lý Mạnh Q2, sinh ngày 11/5/2014 và Lý Đức T, sinh ngày 10/4/2019. Các con chung đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu được chăm sóc tốt và có nguyện vọng sống cùng với anh T. Chị H đồng ý giao 04 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 04 con chung cho anh T nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ/01 con. Tổng cộng là 4.000.000đ/04 con chung/01 tháng. Chị H cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh T. Vì vậy, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ/01 con chung. Tổng cộng là 4.000.000đ/04 con chung/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị H được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh T thống nhất là vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ 10.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Chị H và anh T đều đồng ý mỗi người trả tra Ngân hàng 5.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Do Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ không khởi kiện trong vụ án này nên Tòa án không xem xét, giải quyết nợ chung. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án khác đối với chị H và anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Lý Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị H. Chị Lý Thị H được ly hôn với anh Lý Xuân T.

2. Về con chung:

Giao 04 con chung tên là Lý Mạnh Q 19/11/2010; Lý Mạnh Q1, sinh ngày 19/01/2012; Lý Mạnh Q2, sinh ngày 11/5/2014 và Lý Đức T, sinh ngày 10/4/2019 cho anh Lý Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ/01 con chung. Tổng cộng là 4.000.000đ/04 con chung/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị H được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai số 0003538 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền án phí chị H phải chịu. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lý Xuân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lý Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**Phan Thanh Hà**